

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Vũ Bích Thủy
Trường Mầm non 19/5, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh
Nguyễn Thành Nhân
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non là hoạt động của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các lực lượng có liên quan đảm bảo an toàn về thể trạng, thỏa mãn nhu cầu về dinh dưỡng cho trẻ, giúp cho cơ thể trẻ phát triển theo yêu cầu của độ tuổi, làm tiền đề cho sự phát triển toàn diện nhân cách. Cho nên, để trẻ phát triển cân đối, khỏe mạnh ngay từ những năm tháng đầu đời, các trường mầm non cần phải có một chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng khoa học. Bài viết tìm hiểu thực trạng, làm cơ sở để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ở trường mầm non công lập Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ mầm non, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh.

MANAGING CHILD CARE AND NURTURING ACTIVITIES AT PUBLIC PRESCHOOLS DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

Bui Vu Bích Thủy
Kindergarten 19/5, District 10, Ho Chi Minh City
Nguyen Thanh Nhan
University of Education, Hue University

Abstract: Child care and nurturing activities at preschool educational establishments are activities of managers, teachers, staff and related forces to ensure physical safety and satisfy nutritional needs, nourishes children, helps their bodies develop according to age requirements, and serves as a premise for comprehensive personality development. Therefore, in order for children to develop balanced and healthy right from the first years of life, preschools need to have a scientific care and nurturing regime. The article explores the current situation and serves as a basis to propose measures to improve the effectiveness of managing child care and nurturing activities in public preschools in District 10, Ho Chi Minh City.

Keywords: Caring, nurturing, preschool children, District 10, Ho Chi Minh City.

Nhận bài: 08/11/2024

Phản biện: 12/12/2024

Duyệt đăng: 15/12/2024

I. GIỚI THIỆU

Giáo dục mầm non (GDMN) là mắt xích đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm mục tiêu “giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời” (Bộ GD&ĐT, 2021). Để trẻ phát triển cân đối, khỏe mạnh ngay từ những năm tháng đầu đời cần phải có một chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng (CS, ND) khoa học.

Tác giả Phạm Văn Danh đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về chăm sóc, giáo dục trẻ, quản lý chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường MN gồm: Một số khái niệm; quản lý việc chăm sóc -

giáo dục trẻ trong trường MN; từ đó xác định nội dung quản lý hoạt động giáo dục trong các trường MN bao gồm: Lập kế hoạch hoạt động giáo dục; Quản lý mục tiêu giáo dục trẻ; Quản lý việc thực hiện nội dung kế hoạch giáo dục; Quản lý hoạt động trên lớp của GV; Quản lý hoạt động chăm sóc của bảo mẫu; Quản lý cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động giáo dục (Phạm Văn Danh, 2019).

Nhận thức được vai trò của CS, ND trẻ MN, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) luôn quan tâm, chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em và đánh giá: “Trong thời gian qua, công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở GDMN được các địa phương chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Các cơ sở GDMN đã thực hiện tốt công tác bảo đảm an toàn và tổ chức nuôi dưỡng trẻ em, xây dựng chế độ ăn theo tiêu chuẩn, phù hợp với độ tuổi của trẻ em theo quy định tại Chương trình GDMN ban hành

kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT.

Đối với các trường MN công lập Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh, công tác CS, ND trong trường, lớp MN còn một số bất cập, như: Trẻ đến trường không được chăm sóc khoa học, còn tồn tại bạo hành trẻ trong khi CS, ND... Chính vì vậy, nghiên cứu thực trạng hoạt động CS, ND trẻ để đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN công lập Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh là rất cần thiết.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Quản lý là sự tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý là Hiệu trưởng nhà trường đến đối tượng quản lý (nhà giáo và cán bộ quản lý (CBQL)) nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra thực thể quản lý. Chăm sóc là hoạt động cơ bản và đặc thù của cấp học mầm non, khác với các cấp học khác, bao gồm các hoạt động: chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc giấc ngủ; chăm sóc vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn. Nuôi dưỡng là đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng bữa ăn trong quá trình lớn lên và phát triển của một đứa trẻ.

Theo Lê Thị Mai Hoa, hoạt động CS, ND trẻ chính là những công việc cần thiết phải làm nhằm thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của người được nuôi dưỡng về thức ăn hoặc các chất dinh dưỡng và những gì cần thiết cho cuộc sống, sức khỏe và phát triển (Lê Thị Mai Hoa, 2002).

Từ các khái niệm trên có thể hiểu, quản lý hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN là những tác động của chủ thể quản lý trường MN đến hoạt động CS, ND trẻ nhằm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ GDMN. Theo cách tiếp cận chức năng quản lý thì quản lý hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN bao gồm các hoạt động: Lập kế hoạch CS, ND trẻ ở trường MN; Tổ chức thực hiện kế hoạch CS, ND trẻ ở trường MN; Chỉ đạo thực hiện kế hoạch CS, ND trẻ ở trường MN; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch CS, ND trẻ ở trường MN.

Hiện nay quận 10 có 19 trường MN công lập (Trường đạt chuẩn quốc gia: 10/19; Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục: 19/19). Đội ngũ CBQL của GDMN Quận 10 không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng: 100% CBQL, GV đạt chuẩn về chuyên môn; 100% CBQL và 92% GV đạt trên chuẩn chuyên môn; toàn ngành có 73 thạc sĩ, 01 tiến sĩ (tỷ lệ 3,2%); có 288 CBQL, GV đạt

trình độ lý luận trung cấp chính trị (tỷ lệ 8,5%). Các Hiệu trưởng đều là nữ và quản lý đội ngũ 100% cũng là nữ. Các trường đều tổ chức thực hiện Chương trình GDMN mới, tích cực thực hiện giải pháp nâng cao ý thức của GV trong CS, ND trẻ: đảm bảo an toàn, chất lượng bữa ăn hàng ngày của trẻ, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục mang tính sáng tạo phát huy tối đa khả năng của trẻ, luôn đảm bảo trẻ được học tập và vui chơi theo tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm: “Học bằng chơi, chơi mà học”...; Tích cực phát triển chương trình giáo dục và đổi mới phương pháp giáo dục, CS, ND trẻ MN.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, NV về mục tiêu của hoạt động CS, ND trẻ

Phần lớn CBQL, GV, NV đã nhận thức khá tốt về mục tiêu của hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN. ĐTB đánh giá các tiêu chí trong thang đo dao động trong khoảng từ 3.10 đến 3.45; ứng với mức độ “Đồng ý” đến “Rất đồng ý” với những nhận định về vai trò của hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN mà nghiên cứu đưa ra. ĐLC từ 0.48 đến 0.62 < 1 cho thấy sự khá nhất quán trong đánh giá của các khách thể khảo sát.

3.2. Thực trạng nội dung của hoạt động CS, ND trẻ

Kết quả khảo sát cho thấy, trong các nội dung của hoạt động này thì “Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng” được đánh giá hiệu quả nhất (ĐTB = 2.89, ĐLC = 0.53); tiếp đến là “Chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn” (ĐTB = 2.88, ĐLC = 0.51, thứ bậc 2); “Chăm sóc giấc ngủ” (ĐTB = 2.82, ĐLC = 0.48, thứ bậc 3) và nội dung được đánh giá thấp nhất là “Chăm sóc vệ sinh cho trẻ” (ĐTB = 2.73, ĐLC = 0.52).

Xét về hoạt động chăm sóc dinh dưỡng, thực hiện “Đảm bảo chất lượng thực phẩm; quy trình chế biến thực phẩm; được sắp xếp theo bếp ăn một chiều” được CBQL, GV, NV đánh giá với ĐTB cao nhất (ĐTB = 2.94), mức “khá hiệu quả” trong thang đo đánh giá, đồng thời thể hiện sự đồng nhất trong đánh giá của các đối tượng tham gia khảo sát (ĐLC = 0.54 < 1). Bên cạnh đó, việc “Xây dựng thực đơn phong phú, phù hợp với độ tuổi, đủ khẩu phần dinh dưỡng theo quy định” cũng được đánh giá cao (ĐTB = 2.92). Như vậy, việc đảm bảo chất lượng thực phẩm; quy trình chế biến thực phẩm; được sắp xếp theo bếp ăn một

chiều và xây dựng thực đơn phong phú, phù hợp với độ tuổi, đủ khẩu phần dinh dưỡng theo quy định được các trường MN trên địa bàn nghiên cứu thực hiện khá tốt. Tuy nhiên, việc “Đảm bảo nhu cầu về năng lượng và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể trẻ” không được khách thể khảo sát đánh giá cao (ĐTB = 2.82).

Xét về hoạt động chăm sóc giấc ngủ, “Chuẩn bị phòng ngủ và các điều kiện CSVC theo mùa”; “Trực và quan sát, phát hiện và xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra” có ĐTB là 2.86 và 2.89, ĐLC trong các trường hợp dao động ở mức thấp thể hiện sự đồng nhất trong đánh giá của các đối tượng tham gia khảo sát. Nội dung “Chăm sóc vệ sinh cho trẻ” được CBQL, GV, NV đánh giá ĐTB thấp nhất trong 4 nội dung.

3.3. Thực trạng hình thức của hoạt động CS, ND trẻ

Việc lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động CS, ND trẻ phù hợp đặc điểm lứa tuổi không kém phần quan trọng, đòi hỏi người làm công tác này cần có kinh nghiệm sống và kỹ năng nghề nghiệp. Kết quả nghiên cứu về thực trạng sử dụng các hình thức CS, ND trẻ ở các trường MN công lập Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả thể hiện ở bảng số liệu 2.4 cho thấy, GV, NV sử dụng khá đa dạng các hình thức nhưng không đồng đều khi thực hiện CS, ND trẻ ở trường MN. ĐTB đánh giá các tiêu chí trong thang đo dao động trong khoảng từ 2.32 đến 2.92; ứng với mức độ “ít thực hiện” đến “Thường xuyên”. ĐLC từ 0.48 đến 0.55 <1 cho thấy sự khá nhất quán trong đánh giá của các khách thể khảo sát.

Các hình thức thực hiện CS, ND trẻ ở trường MN được CBQL, GV, NV đánh giá “Thường xuyên” bao gồm: “Tổ chức hoạt động theo cả lớp” (ĐTB = 2.92, ĐLC = 0.51, thứ bậc 1); “Tổ chức hoạt động theo nhóm” (ĐTB = 2.90, ĐLC = 0.48, thứ bậc 2); “Tổ chức hoạt động trong lớp học” (ĐTB = 2.82, ĐLC = 0.50, thứ bậc 3). Các hình thức được đánh giá “Ít thực hiện”, với ĐTB dao động từ 2.32 đến 2.46 là: “Tổ chức hoạt động ngày hội ngày lễ”; “Tổ chức hoạt động theo chuyên đề”; “Tổ chức các hội thi”. Nguyên nhân của thực trạng là do việc mời chuyên gia, CM trẻ nói chuyện; giao lưu trao đổi kinh nghiệm về các biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ rất ít được các trường thực hiện do thiếu kinh phí, hạn chế về thời gian và CSVC.

3.4. Thực trạng phối hợp các lực lượng trong hoạt động CS, ND trẻ

CBQL, GV, NV đã đánh giá khá tốt về hiệu quả phối hợp các lực lượng trong CS, ND trẻ ở trường MN. ĐTB đánh giá các tiêu chí trong thang đo dao động trong khoảng từ 2.07 đến 2.60; ứng với mức độ “Chưa tốt” đến “Khá tốt”. ĐLC từ 0.49 đến 0.54 <1 sự khá nhất quán trong đánh giá của các khách thể khảo sát.

Những nhận định về hiệu quả phối hợp các lực lượng trong CS, ND trẻ ở trường MN được CBQL, GV, NV thực hiện “Khá tốt” bao gồm: “Nhà trường và gia đình tổ chức khám sức khỏe, theo dõi sức khỏe của trẻ định kỳ” (ĐTB = 2.60, ĐLC = 0.60, thứ bậc 1); “Phối hợp phòng chống suy dinh dưỡng hay béo phì cho trẻ” (ĐTB = 2.59, ĐLC = 0.49, thứ bậc 2); “Cha mẹ trẻ và GV cùng chia sẻ, trao đổi kiến thức CS, ND trẻ” và “Thường xuyên trao đổi giữa nhà trường và gia đình về tình hình sức khỏe của trẻ” (ĐTB = 2.54, ĐLC = 0.51, thứ bậc 3). Nhận định được đánh giá thấp hơn “Phối hợp phòng chống suy dinh dưỡng hay béo phì cho trẻ” (ĐTB = 2.51, ĐLC = 0.51).

Những nhận định được đánh giá thấp nhất, với ĐTB dao động từ 2.07 đến 2.46, ứng với mức độ “Chưa tốt” là: “Đóng góp xây dựng, cải tạo trường, công trình vệ sinh”; “Tăng cường phòng chống dịch bệnh”; “Đóng góp tiêu chuẩn ăn theo yêu cầu của nhà trường”; “Tham gia lao động vệ sinh trường lớp”; “Tổ chức câu lạc bộ dinh dưỡng cho cha mẹ trẻ”.

Từ kết quả trên cho thấy, mức độ phối hợp giữa các lực lượng trong công tác CS, ND trẻ trên địa bàn Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chưa được đầy mạnh. Do vậy, CBQL cần có biện pháp tác động đến các lực lượng để mức độ thực hiện các nội dung phối hợp được hiệu quả hơn.

3.5. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS, ND trẻ

CBQL, GV, NV đã đánh giá về các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS, ND trẻ dao động trong khoảng từ 2.54 đến 3.28; ứng với mức độ “Khá tốt” đến “Rất tốt”. ĐLC từ 0.46 đến 0.54 <1 sự khá nhất quán trong đánh giá của các khách thể khảo sát. Trong đó, yếu tố “Có nguồn nước sạch để dùng” là điều kiện hỗ trợ hoạt động CS, ND trẻ ở trường MN duy nhất được CBQL, GV, NV đánh giá “Rất tốt”. Các điều kiện còn lại được đánh giá ở mức “Khá tốt”, với ĐTB dao động từ 2.54 đến 3.20.

Đây cũng là một trong những nội dung mà các nhà trường thực hiện đạt được hiệu quả tốt nhất, do vậy cần phát huy hơn nữa trong thời gian tới.

IV. KẾT LUẬN

Qua phân tích thực trạng, có thể thấy trong những năm gần đây, chất lượng công tác CS, ND trẻ của các trường MN trên địa bàn nghiên cứu đã được củng cố và tăng cường; nhận thức của CBQL, GV, NV và cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội đã đánh giá đúng vai trò của công tác CS, ND trong việc hình thành và phát triển toàn diện cho trẻ. Tuy nhiên bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn không ít hạn chế, bất cập trong công tác CS, ND trẻ. Để nâng cao chất lượng hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN công lập trên địa bàn Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện các công

việc sau: Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV và NV về vai trò của hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN; Kế hoạch hoá hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN; Xây dựng cơ chế tổ chức và điều hành hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN; Tăng cường công tác tập huấn bồi dưỡng cho đội ngũ GV, NV về kỹ năng CS, ND trẻ ở các trường MN; Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN; Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động CS, ND trẻ ở các trường MN. Các biện pháp quản lý hoạt động CS, ND trẻ được đề xuất trên đây có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau. Cho nên, Hiệu trưởng cần được thực hiện các biện pháp một cách đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với thực tiễn của từng nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ GD&ĐT (2021), *Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT Thông tư ban hành Chương trình GDMN*, Hà Nội.
- Bộ GD&ĐT (2022), Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (2022), *Tài liệu tập huấn mô-đun: Quản trị hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở cơ sở GDMN trong bối cảnh tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình*, Hà Nội.
- Bộ GD&ĐT (2023), Số: 423/BGDĐT-GDMN *V/v phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN*, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Nhung (2021), Quản lý hoạt động CS, ND trẻ 3 - 4 tuổi ở các trường MN trong bối cảnh hiện nay, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Số 46 tháng 10/2021, tr.42-47.
- Phạm Văn Danh (2019), Cơ sở lý luận về quản lý việc chăm sóc và giáo dục trẻ MN, *Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục*, Số 02(22), tháng 6 – 2019, tr.29-35.
- Lê Thị Mai Hoa (2002), *Giáo trình dinh dưỡng trẻ em*, NXB Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Chrishana M. Lloyd và Michael Bangser (2009), *Promoting Preschool Quality Through Effective Classroom Management, Implementation Lessons from the Foundations of Learning Demonstration*, Manpower Demonstration Research Corporation.